

## TÌNH HÌNH RUỘNG ĐẤT Ở THÁI NGUYÊN TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945

NGUYỄN DUY TIẾN

Thái Nguyên là tỉnh "cầu nối" giữa miền núi và đồng bằng, giàu tài nguyên, có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế nông- lâm- công nghiệp và dịch vụ; đặc biệt là tiềm năng về nông nghiệp. Thái Nguyên là địa bàn cư tụ từ lâu đời của nhiều dân tộc anh em, là nơi thu hút những dòng người từ các tỉnh khác đến sinh cơ lập nghiệp. Vì vậy, vấn đề ruộng đất của Thái Nguyên trước Cách mạng tháng Tám - 1945 cũng có những nét đặc thù.

Trong bài báo này, chúng tôi chủ yếu nêu lên tình hình ruộng đất công, ruộng đất của địa chủ, phú nông và nông dân trong tỉnh; còn ruộng đất đồn điền xin được trình bày vào dịp khác.

### 1. Ruộng công làng xã

Tại hầu hết các làng xã của người Việt và các dân tộc: Tày, Nùng, Hoa, Sán Dìu, Sán Chay ở Thái Nguyên, cho đến những năm sát cuộc Cách mạng tháng Tám, vẫn còn một bộ phận ruộng đất công (gồm cả công điền và bán công bán tư). Do điều tư liệu hạn chế nên chúng tôi chủ yếu dẫn những số liệu ở các xã tiến hành cải cách ruộng đất.

*Biểu 1 Diện tích ruộng đất công tại 75 xã (1)*

Số xã	Diện tích
6 xã thí điểm CCRĐ	549 m 7s 06 th
47 xã CCRĐ đợt 1	13154 m 2s 11 th
22 xã CCRĐ đợt 2	2753 m 1s 07 th
<b>Cộng</b>	<b>16457 m 1s 09th</b>

Xin dẫn thêm số lượng ruộng đất công của các xã thuộc huyện Phổ Yên (*Biểu 2*).

*Biểu 2 : Các loại ruộng đất công các xã huyện Phổ Yên (2)*

T	Xã	Công thổ	Công điền	Ruộng đình, chùa	Ruộng hậu
1	Tiên Phong	2" 5" 00	2" 8" 02	56" 7" 01	2" 3" 05
2	Phúc Thuận	?	3" 0" 00	?	?
3	Trung Thành	10" 0" 00	100" 0" 00	1" 1" 12	5" 6" 11
4	Hồng Tiến	401" 2" 03	33" 3" 06	24" 3" 07	37" 3" 12
5	Đồng Tiến	?	?	93" 1" 01	120" 3" 07
6	Hợp Thành	6" 6" 12	1" 1" 11	2" 5" 13	16" 7" 01
7	Tân Tiến	Chưa báo cáo			
<b>Cộng</b>		<b>420m 4s 00</b>	<b>140m 5s 06th</b>	<b>127m 9s 06</b>	<b>383m 8s 12</b>
<b>1072m 7s 09 th</b>					

Có nhiều xã còn một bộ phận lớn ruộng đất công như xã La Đình (huyện Phú Bình) còn 392 mẫu, xã Bảo Lý (cùng huyện) còn 102m 6s 2th.

Qua điều tra cho thấy, hầu hết số ruộng đất này được các làng sử dụng vào việc thờ thần trong các dịp lễ tục hàng năm. Cách sử dụng cụ thể mỗi làng một khác, phụ thuộc vào số ruộng đất công còn lại, vào các tục lệ, vào cơ cấu tổ chức của làng. Một số làng cho đấu thầu, lấy tiền cho các giáp (trong đó có giáp đấng cai làm chủ đạo) sửa lễ. Nhiều làng giao cho các giáp cấy luân phiên. Lễ vật của của các kỳ lễ tiệc này được chia theo ngôi thứ đình trung của làng xã phong kiến. Một bộ phận ruộng đất công được chia cho các chức dịch làng xã (lý trưởng, phó lý...) và đấu thầu lấy tiền dùng vào các hoạt động hành chính của làng xã. Một phần khác chia cho những người đi lính. Sự bất bình đẳng trong việc sử dụng ruộng đất công ở hầu hết các làng rất rõ nét. Những xã còn nhiều ruộng công như Trung Thành (Phổ Yên), Tràng An (Đại Từ) thì chia số ruộng này cho nam giới từ 10-60 tuổi để "trợ sưu" (sau khi dành một phần ruộng vào mục đích thờ cúng, hành chính). Dưới đây xin dẫn ra tình hình sử dụng ruộng đất công ở hai xã Bình Thuận và Hùng Sơn (huyện Đại Từ):

Ruộng đình chùa và ruộng phe của 2 xã dùng vào việc thờ cúng, cho nên ai cấy số ruộng này thì tuần tiết phải trông nom đình chùa, đèn hương. Ở Hùng Sơn, những xóm có nhiều ruộng phe, ruộng đình như xóm Sụ 5 mẫu, xóm Chùa 5 mẫu, người cấy ruộng hàng năm phải nộp cho làng 80 cân thối vào 2 kỳ tiệc, ở những xóm có ít ruộng này như xóm Bàn Cờ có 2 mẫu 8 thì hàng năm người cấy ruộng chỉ phải nộp cho làng 40-50 cân thối. Riêng làng Huy Ngạc thì không lấy thối, người cấy ruộng phải nộp cho làng 6 nôi thóc 1 mẫu, để đèn hương thờ cúng.

Còn số ruộng công (quan điền) của 2 xã được sử dụng bằng cách: 29 mẫu 2 sào 02 ở Hùng Sơn thì do hội đồng hàng tỉnh bán đấu thầu để xung vào quỹ của tỉnh. Mỗi lần thầu là 3 năm, ruộng hạng tốt thì bán 8 đồng 2 mẫu, ruộng khác 6 đồng 1 mẫu. Những người được thầu ruộng đều là kỳ hào, chức dịch như phó hội Tuần (trung nông), Hồ Công Luận (phú nông), lý trưởng Nông (trung nông), trưởng bạ Châu Đoàn Tuyết v.v...

Ở Bình Thuận, cách sử dụng có khác hơn: 24 mẫu ruộng công thì các kỳ hào bán cho địa chủ Nguyễn Thị Mai, đến 1934-1935, làng đi kiện đòi lại số ruộng đó, nhưng thị Mai chỉ trả lại 17 mẫu, còn 7 mẫu vẫn làm cho đến 1945. Số 17 mẫu đòi về được thì lại do bọn kỳ hào (hương hào Đệ- trung nông, Lý Tạo- bản nông v.v...) do đầu đơn kiện thị Mai nên được làm.

Tóm lại, số ruộng công của 2 xã trong thời kỳ trước Cách mạng đều là do những người thuộc thành phần địa chủ và kỳ hào cũ sử dụng.

## 2. Ruộng nhà thờ

Trước Cách mạng, Thái Nguyên có 5 nhà thờ xứ và 12 nhà thờ họ. Có 3 nhà thờ lớn là Nhã Lộng (Phú Bình), An Huy (xã Hùng Sơn, Đại Từ), Túc Duyên (Đồng Hỷ). Tổng số giáo dân theo điều tra năm 1948 là 4599 người. Hiện nay chúng tôi chưa có tài liệu về tình hình chiếm hữu ruộng đất của nhà chung trong toàn tỉnh. Chỉ xin dẫn tài liệu ruộng đất của nhà thờ An Huy và nhà thờ Túc Duyên. Qua Bảng kê ruộng và đồn điền Việt gian năm 1948-1949 của UBKC-HC huyện Đồng Hỷ thì nhà thờ Túc Duyên còn tới 170 mẫu 6 sào. Theo *Tổng hợp tình hình chiếm hữu ruộng đất ... huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (năm 1957)* thì nhà thờ An Huy có 125 mẫu ruộng chiếm 16,3% tổng số ruộng của xã và khoảng 20 mẫu đất. Phần lớn số ruộng trên vốn là đất công bỏ hoang do Chánh Tre bán cho Linh mục Quang (người Pháp) cách đây vào khoảng 4, 50 năm. Sau đó cha Quang mộ giáo dân khai phá thành ruộng. Số ruộng này hoàn toàn được nhà thờ đem phát canh thu tô cho đến Cải cách ruộng đất.

## 3. Tình hình chiếm hữu ruộng đất của địa chủ

Theo Tổng hợp kết quả chia ruộng đất qua các đợt CCRĐ tỉnh Thái Nguyên thì số địa chủ trước tháng 8-1945 ở 5 xã điều tra điển hình toàn tỉnh và 75 xã như sau (Biểu 3):

Biểu 3: Số địa chủ và chiếm hữu ruộng đất của các xã đã CCRĐ (3)

Loại xã	Hộ		Khẩu		Ruộng đất	B.quân khẩu
	Số hộ	Tỷ lệ %	Số khẩu	Tỷ lệ%		
6 xã thí điểm	98	3,36	532	5,29	1493" 3 " 14	2" 7" 01
47 xã đợt 1	686	3,01	4589	4,86	10808" 4" 07	2" 3" 07"
22 xã đợt 2	393	?	2908	?	4271" 0" 07	1" 4" 07
<b>Cộng</b>	<b>1177</b>	<b>?</b>	<b>8209</b>	<b>?</b>	<b>16570" 8" 13"</b>	

Về mức độ chiếm hữu ruộng đất của một địa chủ, có thể thấy rõ thêm qua *Biểu 4*.

Biểu 4: Chiếm hữu ruộng đất của địa chủ các xã điều tra điển hình (4)

Số TT	Mức chiếm hữu	5 xã điển hình (% so với số địa chủ)	28 xã của 6 huyện (% so với số địa chủ)
1	Dưới 5 mẫu	5,45	3,48
2	Từ 5- 10 mẫu	23,63	17,39
3	Từ 10 -20 mẫu	50,09	50,44
4	Từ 20- 50 mẫu	12,12	40,08
5	Trên 50 mẫu	7,27	7,85

Qua hai biểu trên cho thấy, tỷ lệ số hộ địa chủ trong tổng số hộ của Thái Nguyên so với toàn miền Bắc không cao, thậm chí thấp hơn (Thái Nguyên từ 3,01- 3,36, miền Bắc 3,5%), bình quân chiếm hữu ruộng đất của 1 địa chủ cũng

thấp hơn so với toàn miền (cao nhất là 2 mẫu 7 sào, trong khi toàn miền là 3 mẫu). Điều này có thể do Thái Nguyên là tỉnh miền núi, đất đai canh tác ít. Biểu 8 cho thấy, lực lượng đông đảo nhất (50,44%) trong tầng lớp địa chủ có mức độ chiếm hữu từ 10-20 mẫu. Đây là hiện tượng giống như ở nhiều xã vùng đồng bằng. Riêng số địa chủ có từ 20-50 mẫu chiếm số lượng lớn thứ 2 (40,08%) là hiện tượng hơi khác biệt. Điều này phải chăng có nguyên nhân ở điều kiện địa hình, đặc điểm ruộng đất của vùng trung du và phần nào do điều kiện xã hội - dân cư của tỉnh Thái Nguyên.

#### 4. Chiếm hữu ruộng đất của tầng lớp phú nông

Sở dĩ chúng tôi đưa tình hình sở hữu ruộng đất của phú nông thành mục riêng vì đây là tầng lớp tương đối "đặc biệt". Họ chiếm tương đối nhiều ruộng đất, phương thức làm giàu có nhiều nét giống địa chủ: vừa thuê mướn nhân công, vừa phát canh thu tô, kết hợp cho vay nặng lãi, song *thuê mướn nhân công là chính*. Ranh giới giữa họ với địa chủ, giữa họ với trung nông lớp trên rất dễ bị "xoá" trong điều kiện làm nông nghiệp như ở nước ta.

Theo *Thống kê tổng hợp kết quả chia ruộng đất qua các đợt cải cách ruộng đất tỉnh Thái Nguyên (5)* thì tình hình chiếm hữu ruộng đất trước Cách mạng của tầng lớp phú nông ở 6 xã thí điểm, 47 xã cải cách đợt I, 22 xã đợt II như sau (Biểu 5):

**Biểu 5: Chiếm hữu ruộng đất của tầng lớp phú nông**

Loại xã	Hộ		Khẩu		Số ruộng đất
	Số hộ	Tỷ lệ%	Số khẩu	Tỷ lệ%	
6 xã thí điểm	71	2,65	382	3,61	332m 3s 02th
47 xã đợt 1	706	2,42	4630	4,90	3518m 5s 03th
22 xã đợt 2	305	?	2157	?	1488m 9s 04th
<b>Cộng</b>	<b>1082</b>		<b>7169</b>		<b>5339m 7s 09th</b>

Từ biểu này, nếu so sánh với các con số cùng giá trị thống kê toàn miền Bắc cho thấy, tỷ lệ số hộ phú nông của Thái Nguyên cao hơn so với toàn miền (từ 2,42-2,65% so với 2,2%). Điều này có nguyên nhân chính ở điều kiện riêng của Thái Nguyên: là nơi có nhiều dân phiêu bạt từ các nơi đến, lao động làm thuê nhiều và giá thuê rất rẻ. Về mức độ chiếm hữu ruộng đất bình quân 1 khẩu của tỉnh cũng thấp hơn so với toàn miền (7 sào 8 thước so với 1 mẫu 1 sào). Điều này cũng có nguyên nhân từ việc ruộng đất canh tác của tỉnh ít.

Ở đây, có một vấn đề cần được làm rõ, đó là, tình hình sở hữu của các địa chủ và phú nông là người các dân tộc thiểu số ra sao? Rất tiếc, do hạn chế về nguồn tư liệu, chúng tôi chưa thể làm rõ được vấn đề trên. ở đây, chỉ đưa ra được

con số địa chủ của 5 huyện: Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương, Đông Hỷ và Võ Nhai (Biểu 6).

**Biểu 6: Tình hình địa chủ và phú nông các dân tộc thiểu số của 5 huyện (6)**

TT	Dân tộc	Số hộ	Khẩu	Ruộng đất (mẫu.)	Bình quân 1 khẩu
1	Thổ (Tày)	64	229	233" 0" 04"	0" 7" 8"
2	Nùng	7	61	56" 2" 13"	0" 9" 03"
3	Mán (Dao)	6	41	26" 3" 00"	0" 6" 05"
4	Hoa	12	43	66" 4" 09"	1" 5" 05"
	<b>Cộng địa chủ</b>	<b>89</b>	<b>444</b>	<b>382" 0" 11"</b>	
1	Tày	139	895	808" 8" 04"	0" 9" 02"
2	Nùng	55	336	452" 8" 07"	1" 3" 05"
3	Mán (Dao)	9	39	35" 6" 11"	0" 9" 02"
4	Cao Lan	9	20	16" 9" 14"	0" 8" 05"
5	Hoa	15	76	115" 6" 13"	1" 5" 03"
6	Trại (Sán Diu)	78	465	542" 4" 07"	0" 9" 02"
	<b>Cộng phú nông</b>	<b>299</b>	<b>1831</b>	<b>1972" 9" 11"</b>	

Từ biểu trên cho thấy, trừ người Cao Lan, còn các dân tộc thiểu số được thống kê trong bảng đều xuất hiện một tầng lớp địa chủ- phú nông có mức sở hữu tương đối khá, nhất là ở người Hoa, người Tày. Họ cũng dùng ruộng đất để phát canh thu tô và thuê mướn người làm, trong đó, thuê mướn người làm là chủ yếu. Hình thức thuê mướn chính là thuê thợ làm theo ngày. Qua điều tra một số địa phương, thì hầu hết số người này mua ruộng chủ yếu để chia cho con cái sau này, chứ không hoàn toàn vì mục đích dùng ruộng để bóc lột làm giàu. Giá thuê mướn của các chủ ruộng thường cao hơn so với các chủ ruộng người Việt. Những ngày lễ Tết, hoặc khi thợ về xuôi, chủ thường cho thêm quà mang về.

### 5. Chiếm hữu ruộng đất và đời sống của các tầng lớp nông dân

Chúng tôi dùng số liệu trong bảng *Thống kê về tình hình chia ruộng đất qua các đợt cải cách ruộng đất tỉnh Thái Nguyên* để nêu lên tình hình chiếm hữu ruộng đất của các tầng lớp nông dân trong tỉnh (Biểu 7 và Biểu 8).

**Bảng 7: Chiếm hữu ruộng đất của nông dân trước CCRĐ (7)**

Các xã đã qua CCRĐ	Thành phần	Hộ		Nhân khẩu		Ruộng đất	
		Số hộ	Tỷ lệ%	Số hộ	Tỷ lệ %	Diện tích	Bìnhquân khẩu
6 xã th. điểm		764	28,57	3753	35,50	1704"3"08	4 s 05 th
47 xã đợt 1	Trung nông	5842	27,45	31417	33,30	14708"8"00	4 s 10
22 xã đợt 2		2734		15252		6812"2" 10	4 s 05
<b>Cộng</b>		<b>9340</b>		<b>50422</b>		<b>23225"4"03</b>	

6 xã th. điểm		534	25,24	2747	26,20	422" 8" 12	1 s 05
47 xã đợt 1	Bản	5736	26,00	25667	27,20	4668" 6" 11	1 s 08
22 xã đợt 2	nông	2763		12900		2306" 6" 07	1 s 08
<b>Cộng</b>		<b>9033</b>		<b>41314</b>		<b>7398" 2" 00</b>	
6 xã th. điểm		534	19,96	1321	12,51	81" 0" 07	0 s 07
47 xã đợt 1	Cố	5121	24,37	15174	16,31	1307" 0" 03	0 s 08
22 xã đợt 2	nông	2271		7320		574" 7" 11	0 s 08
<b>Cộng</b>		<b>7926</b>		<b>23815</b>		<b>1962" 8" 06</b>	

Từ biểu này cho thấy, tỷ lệ số hộ trung nông, bản nông của tỉnh đều thấp hơn so với toàn miền Bắc (trung nông từ 27- 28% so với 32,2% của toàn miền; bản nông từ 25-26 % so với 35,4%), riêng cố nông của Thái Nguyên lại nhiều hơn (cao nhất là 24,37% so với 20,6% toàn miền). Điều này vẫn do đặc điểm riêng của Thái Nguyên là ruộng đất canh tác ít.

**Biểu 8: Chiếm hữu ruộng đất của các dân tộc huyện Đại Từ (8)**

Dân tộc	Hộ	Khẩu	Ruộng	Thổ canh	Nương rẫy	Cộng
Ngái	11	44	22" 3" 11	1" 4" 07	2" 0" 00	25" 8" 03
Hoa	107	492	261" 8" 04	5" 1" 13	5" 2" 05	272" 2" 07
Sán Dìu	111	602	500" 9" 00	14" 4" 05	?	515" 3" 05
Cao Lan	288	1489	944" 8" 06	7" 5" 11	23" 7" 12	976" 1" 14
Dao	129	641	378" 0" 06	8" 6" 00	120" 4" 00	507" 0" 06
Nùng	395	1809	1119" 5" 13	23" 7" 12	14" 0" 12	1157" 4" 07
Tày	637	3466	2106" 0" 13	26" 5" 02	12" 1" 07	2144" 7" 07
Kinh	5452	20544	11467" 7" 00	481" 9" 07	104" 0" 01	12053" 6" 08
<b>Cộng</b>	<b>7130</b>	<b>29087</b>	<b>16801" 3" 08</b>	<b>569" 4" 12</b>	<b>281" 5" 07</b>	<b>17652" 4" 12</b>

Với các tư liệu và số liệu trên cho thấy, đại đa số người nông dân các dân tộc đều không có hoặc có rất ít ruộng đất để làm ăn, phải đi lĩnh canh hoặc đi làm thuê làm mướn cho địa chủ và phú nông, bị địa chủ, chủ đồn điền bóc lột nặng nề, như đã thấy qua ở *Biểu 6*. Nhiều khi, người nông dân phải biếu xén, đút lót mới được nhận ruộng lĩnh canh. ở một số đồn điền như Gia Sàng, bọn chủ thường tìm cách đuổi những tá điền cũ, hoặc những người có tư tưởng chống đối để mộ tá điền mới với giá rẻ mạt hơn vì những người này không có việc, đang "khát khao" nhận lĩnh canh. Muốn được chủ chấp nhận lĩnh canh, phải nộp 6 đồng (tương đương với gần 2 tạ thóc) và còn phải làm không công cho chủ 10 ngày. Sau khi nhận ruộng và thuê trâu của địa chủ, họ phải nai lưng ra cày cấy chăm sóc; đến mùa thu hoạch, số thóc thu được cũng chỉ đủ để nộp tô cho chủ ruộng. Rơi vào bước đường cùng nhất là vào lúc giáp hạt, các gia đình nông dân lại phải tìm đến địa chủ để cho vay thóc vay tiền. Hiện tượng phổ biến ở trong tỉnh là khi vay nếu là thóc thì vay 1 phải trả 2. Nhiều nơi địa chủ còn dùng thủ đoạn gian lận để kiếm lời: khi

cho vay thì dùng thùng nhỏ và đong nhẹ gạt nặng; đến lúc thu nợ lại dùng thùng to và đong mạnh gạt nhẹ. Không ít người nông dân phải biếu xén chủ ruộng mật ong, gà thien vào những dịp lễ tết mới được chủ ruộng, chủ nợ cho tiếp tục nhận ruộng và vay nợ.

Như vậy, trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, tại Thái Nguyên tồn tại chế độ chiếm hữu và phương thức khai thác, bóc lột phong kiến đối với ruộng đất. Giai cấp địa chủ là tầng lớp chiếm nhiều ruộng đất với mức bình quân từ 10- 20 mẫu và bóc lột bằng địa tô; tầng lớp phú nông với mức chiếm hữu bình quân từ 7- 10 mẫu, bóc lột bằng thuê mướn nhân công. Đối lập với họ là tầng lớp bần cô nông không ruộng hoặc có ít ruộng phải đi lĩnh canh ruộng của địa chủ và làm thuê. Bên cạnh bộ phận lớn ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân được phân thành các tầng lớp, trong các làng xã, làng bản vẫn còn tồn tại một bộ phận ruộng đất công và bán công bán tư, được dùng vào việc thờ cúng và các hoạt động hành chính, song về cơ bản đã bị các chức dịch lũng đoạn. Ngoài ra, còn có một số ruộng đất của các nhà thờ, là công cụ để các cha cố bóc lột địa tô đối với các giáo dân vốn là những người nông dân nghèo.

### Chú thích

1. *Thông kê tịch thu, trưng thu, trưng mua tài sản của địa chủ huyện Phú Bình năm 1953-1954*, Hồ sơ 1229, Cặp 129, Lưu trữ Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
2. *Thông kê trưng mua tài sản của địa chủ huyện Phổ Yên năm 1953-1954*, Hồ sơ 1230, Cặp 129, Lưu trữ Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
3. *Báo cáo Tổng kết cải cách ruộng đất tỉnh Thái Nguyên*, Đơn vị bảo quản 298, Cặp số 22, Lưu trữ Tỉnh Ủy Thái Nguyên.
4. *Thông kê trưng mua ruộng đất của địa chủ huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên năm 1953-1954*, Hồ sơ 1227, Cặp 120, Lưu trữ Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.